TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 23-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Hồ Thị Xuân Hương.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Đình Khương và ông Nguyễn Minh Đức;

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Trí Diện - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đông Hà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/ 2021/QĐST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: số 266 – 268 N, Phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn H – Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q *(Văn bản ủy quyền số 163/2020/GUQ-CNQT ngày 02/11/2020)*, có mặt.

-Bị đơn: Ông Võ Quốc Đ; địa chỉ: khu phố P, phường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/9/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Q với ông Võ Quốc Đ ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp

đồng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 970403-3267 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 57.248.736 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 70.444.000 đồng, nhưng từ ngày 05/12/2019 đến nay, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng yêu cầu buộc ông Võ Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 02/11/2020 là: 37.574.964 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc 25.875.486 đồng và nợ tiền lãi 11.699.478 đồng và ông Võ Quốc Đ có nghĩa vụ trả số tiền lãi phát sinh sau ngày 02/11/2020 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Quốc Đ phải trả số tiền còn nợ tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 970403-3267 ký kết ngày 29/9/2015 là: **43.166.151** đồng. Trong đó: Nợ gốc 25.875.486 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 17.290.665 đồng và tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 970403-3267 ký kết ngày 29/9/2015.

Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia phiên hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Bị đơn, ông Võ Quốc Đ không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia phiên hòa giải. Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định và giấy triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; có căn cứ buộc ông Võ Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S **43.166.151** đồng. Trong đó: Nợ gốc 25.875.486 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 17.290.665 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng 970403-3267ký kết ngày 29/9/2015 và tiếp tục tính tiền lãi phát sinh sau ngày 24/4/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 970403-3267ngày 29/9/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" là theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Quốc Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định và giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 970403-3267 ngày 29/9/2015, với hạn mức được cấp là 30.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó ông Võ Quốc Đ đã thực hiện các lần giao dịch thẻ tín dụng với tổng số tiền đã giao dịch rút là **57.248.736** đồng, cụ thể được sao kê như sau: Vào ngày 05/11/2015 đã rút số tiền 5.600.000 đồng; ngày 05/12/2015 giao dịch 16.299.500 đồng; ngày 05/01/2016 giao dịch 8.433.000 đồng; ngày 05/3/2016 giao dịch 319.000 đồng; ngày 05/4/2016 giao dịch 836.000 đồng; ngày 05/6/2016 giao 3.129.300 đồng; ngày 05/7/2016 giao dịch 558.000 đồng; ngày 05/9/2016 giao dịch 2.230.300 đồng; ngày 05/10/2016 giao dịch 1.259.500 đồng; ngày 05/01/2017 giao dịch 1.000.000 đồng; ngày 05/02/2017 giao dịch 1.000.000 đồng; ngày 05/05/2017 giao dịch 1.510.400 đồng; ngày 05/6/2017 giao dịch 1.066.200 đồng; ngày 05/7/2017 giao dịch 2.413.600 đồng; ngày 05/9/2017 giao dịch 1.980.900 đồng; ngày 05/10/2017 giao dịch 290.000 đồng; ngày 05/11/2017 giao dịch 800.000 đồng; ngày 05/01/2018 giao dịch 1.676.021 đồng; ngày 05/02/2018 giao dịch 1.000.000 đồng; ngày 05/4/2018 giao dịch 1.443.400 đồng; ngày 05/5/2018 giao dịch 466.400 đồng; ngày 05/6/2018 giao dịch 1.331.215 đồng; ngày 05/7/2018 giao dịch 1000.000 đồng và ngày 05/9/2018 giao dịch 1.606.000 đồng. Các khoản phí phát sinh theo hợp đồng: Phí trễ hạn: 3.669.797 đồng; phí vượt hạn mức: 550.000 đồng; các phí quản lý thẻ, tin nhắn khác: 640.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 02/4/2021 là 45.858.968 đồng. Ông Đ đã thanh toán với tổng số tiền **70.4440.000** đồng, cụ thể như sau: Ngày 05/12/2015 trả số tiền 500.000 đồng; ngày 05/01/2016 trả 1.000.000 đồng; ngày 05/02/2016 trả 1.600.000 đồng; ngày 05/3/2016 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/4/2016 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/6/2016 trả 4.500.000 đồng; ngày 05/7/2016 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/8/2016 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/9/2016 trả 1.500.000 đồng, ngày 05/10/2016 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/11/2016 trả 1.730.000 đồng; ngày 05/01/2017 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/02/2017 trả 1.700.000 đồng; ngày 05/3/2017 trả 4.250.000 đồng; ngày 05/3/2017 trả 4.250.000 đồng; ngày 05/4/2017 trả 2.365.000 đồng; ngày 05/5/2017 trả 1.280.000 đồng; ngày 05/6/2017 trả 1.325.000 đồng; ngày 05/7/2017 trả 1.400.000 đồng; ngày 05/8/2017 trả 1.430.000

đồng; ngày 05/9/2017 trả 1.405.000 đồng; ngày 05/10/2017 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/12/2017 trả 3.608.000 đồng; ngày 05/01/2018 trả 3.191.000 đồng; ngày 05/3/2018 trả 3.800.000 đồng; ngày 05/5/2018 trả 1.400.000 đồng; ngày 05/6/2018 trả 1.530.000 đồng; ngày 05/7/2018 trả 2.800.000 đồng; ngày 05/8/2018 trả 830.000 đồng; ngày 05/9/2018 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/10/2018 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/11/2018 trả 2.200.000 đồng; ngày 05/12/2018 trả 1.600.000 đồng; ngày 05/01/2019 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/02/2019 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/3/2019 trả 1.500.000 đồng; ngày 05/5/2019 trả 1.100.000 đồng; ngày 05/6/2019 trả 1.200.000 đồng; ngày 05/7/2019 trả 1.000.000 đồng; ngày 05/8/2019 trả 2.000.000 đồng và ngày 05/11/2019 trả 2.000.000 đồng. Số tiền dư nợ gốc còn lại đến ngày 02/4/2021 là: 25.875.486 đồng. Lãi phát sinh đến ngày 23/4/2021 là 17.290.665 đồng.

Hợp đồng sử dụng thẻ số 970403-3267 ký kết ngày 29/9/2015 có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong hợp đồng nêu trên các bên thỏa thuận: Chủ thể đồng ý khi thẻ đã có phát sinh giao dịch, chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch và các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ. Tuy nhiên, khoản vay theo hợp đồng đã không được bên vay trả nợ theo thỏa thuận, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S là **43.166.151** đồng. Trong đó, nợ gốc 25.875.486 đồng; tiền lãi: tính đến ngày 23/4/2021 là: 17.290.665 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 180 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, xủ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Võ Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng 970403-3267 ký kết ngày 29/9/2015 là **43.166.151** đồng. Trong đó, nợ gốc 25.875.486 đồng; tiền lãi: tính đến ngày 23/4/2021 là: 17.290.665 đồng.

Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng số 970403-3267 ký kết ngày 29/9/2015.

2.Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc: Ông Võ Quốc Đ phải chịu 2.158.000 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 939.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000826 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Xuân Hương